

Số: 33

Ngày 22/8/2021

Bản tin hàng tuần
ra ngày thứ Hai

VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

VĂN BẢN MỚI

1. Tỷ lệ cho vay lại vốn ODA của Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh là 100%.
2. Đến năm 2030, tốc độ tăng trưởng sản lượng thủy sản chế biến đạt trên 6%/năm.
3. Danh mục các ngành, lĩnh vực thực hiện chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần.
4. Xe cơ giới vào kiểm định phải được chụp ảnh tại đơn vị đăng kiểm.
5. Phí sử dụng đường bộ đối với xe chở người dưới 10 chỗ là 130.000 đồng/tháng.

6. Quy định thủ tục cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện.

7. Bộ Giáo dục và Đào tạo đề nghị các địa phương tạo điều kiện cho học sinh học tập tại nơi cư trú do dịch Covid-19

8. Hà Nội hỗ trợ các đối tượng gặp khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19.

9. Hà Nội tiếp tục cách ly toàn xã hội đến 06h giờ 00 ngày 06/9/2021.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

Dự thảo Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Sau khi tiêm vắc xin phòng COVID-19, khi có những dấu hiệu nào phải gọi ngay cho cơ sở y tế?
2. Có mấy bước thực hiện tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19?
3. Tiêu chí phân loại nguy cơ của người nhiễm SARS-CoV-2?
4. Các dấu hiệu, biểu hiện của người nhiễm SARS-CoV-2?

VĂN BẢN CỦA QUỐC HỘI, CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

1. TỶ LỆ CHO VAY LẠI VỐN ODA CỦA HÀ NỘI VÀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH LÀ 100%

Ngày 16/8/2021, Chính phủ ban hành Nghị định 79/2021/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 97/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ.

Cụ thể, đối với địa phương có tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương so với tổng chi cân đối ngân sách địa phương từ 70% trở lên, tỷ lệ cho vay lại là 10% vốn vay ODA, vay ưu đãi; địa phương có tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương so với tổng chi cân đối ngân sách địa phương từ 50% đến dưới 70%, tỷ lệ cho vay lại là 30% vốn vay ODA, vay ưu đãi; địa phương có tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương so với tổng chi cân đối ngân sách địa phương dưới 50%, tỷ lệ cho vay lại là 50% vốn vay ODA, vay ưu đãi; địa phương có điều tiết về ngân sách trung ương (trừ thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh), tỷ lệ cho vay lại là 70% vốn vay ODA, vay ưu đãi; thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh: tỷ lệ cho vay lại là 100% vốn vay ODA, vay ưu đãi.

Đối với một số chương trình, dự án liên quan đến phát triển bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu của một số địa phương vùng Đồng bằng sông Cửu Long mà Chính phủ cần hỗ trợ theo chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 41/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 sẽ do Chính phủ quyết định tỷ lệ cho vay lại nhưng không thấp hơn 10%.”

Trường hợp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh vay lại, các khoản vay do Ban quản lý dự án thuộc các Bộ nhận nợ, sau đó chuyển cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trong quá trình xây dựng cơ chế tài chính đối với nguồn vốn vay ODA, vay ưu đãi, trên cơ sở đề nghị của cơ quan chủ quản và bên vay lại, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và cơ quan liên quan, trình Chính phủ xem xét, quyết định tỷ lệ cho vay lại đối với từng trường hợp cụ thể nhưng không thấp hơn 10%.

Nghị định có hiệu lực kể từ ngày 01/10/2021.

2. ĐẾN NĂM 2030, TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG SẢN LƯỢNG THỦY SẢN CHẾ BIẾN ĐẠT TRÊN 6%/NĂM

Ngày 16/8/2021, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 1408/QĐ-TTg phê duyệt Đề án phát triển ngành chế biến thủy sản giai đoạn 2021-2030.

Theo đó, đến năm 2030 tốc độ tăng trưởng sản lượng thủy sản chế biến đạt trên 6%/năm; tỷ trọng giá trị xuất khẩu sản phẩm thủy sản chế biến đạt giá trị gia tăng trung bình trên 40%; số lượng cơ sở chế biến thủy sản xuất khẩu đạt trình độ và năng lực công nghệ sản xuất từ trung bình tiên tiến trở lên đạt trên 70%; giá trị chế biến thủy sản tiêu thụ nội địa đạt 40.000-45.000 tỷ đồng, góp khoảng 14-17 tỷ USD vào giá trị kim ngạch xuất khẩu thủy sản...

Đề án đề ra 06 dự án, nhiệm vụ ưu tiên thực hiện gồm: Dự án đổi mới công nghệ quốc gia, phát triển các sản phẩm giá trị gia tăng cao có nguồn gốc từ nguyên liệu, phụ phẩm

thủy sản phục vụ ngành thực phẩm, hóa dược; nhiệm vụ xúc tiến đầu tư phát triển hệ thống kho lạnh bảo quản thủy sản; nhiệm vụ đánh giá tác động của các chính sách khuyến khích phát triển chế biến, bảo quản thủy sản giai đoạn 2010 - 2020 và đề xuất xây dựng, sửa đổi, bổ sung cho giai đoạn 2021 – 2030; dự án điều tra, đánh giá hiện trạng và đề xuất giải pháp thúc đẩy chế biến, tiêu thụ sản phẩm thủy sản nội địa; nhiệm vụ nghiên cứu, đánh giá và thông tin kịp thời nhu cầu, thị hiếu tiêu dùng thủy sản của các thị trường xuất khẩu trọng điểm, thị trường tiềm năng; xây dựng định hướng xuất khẩu thủy sản giai đoạn 2021 – 2030; nhiệm vụ hỗ trợ phát triển cụm công nghiệp, hình thành các cụm công nghiệp liên kết ngành chế biến thủy sản, chuỗi giá trị trong sản xuất công nghiệp nông thôn.

Đề Đề án được triển khai có hiệu quả trong giai đoạn 2021-2030 cần thực hiện các giải pháp như: Phát triển khoa học công nghệ; hoàn thiện thể chế, cơ chế chính sách thu hút đầu tư, phát triển chế biến thủy sản; nâng cao chất lượng, đảm bảo an toàn thực phẩm đối với sản phẩm thủy sản chế biến; đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 16/8/2021.

3. DANH MỤC CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC THỰC HIỆN CHUYỂN ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THÀNH CÔNG TY CỔ PHẦN

Ngày 12/8/2021 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số

26/2021/QĐ-TTg về danh mục ngành, lĩnh vực thực hiện chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần.

Theo đó, danh mục ngành, lĩnh vực đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện chuyển thành công ty cổ phần, Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ: Khai thác, sản xuất, cung cấp nước sạch; thoát nước đô thị, nông thôn. Danh mục ngành, lĩnh vực đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện chuyển thành công ty cổ phần, Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở xuống hoặc không giữ cổ phần; khi chào bán cổ phần lần đầu, Nhà nước nắm giữ trên 35% đến 50% vốn điều lệ để bảo đảm vai trò của Nhà nước, ổn định tổ chức và duy trì chất lượng dịch vụ cung cấp sau cổ phần hóa gồm: Vệ sinh môi trường, xử lý nước thải; chiếu sáng công cộng; dịch vụ tư vấn trong các lĩnh vực: lập quy hoạch đô thị, kế toán, kiểm toán, thuế, thẩm định giá, nghiên cứu thị trường, thăm dò dư luận xã hội, tư vấn quản lý kinh doanh; dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật cho nghiên cứu khoa học công nghệ; dịch vụ liên quan đến sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường chất lượng sản phẩm, hàng hóa; dịch vụ thông tin, tư vấn, đào tạo, bồi dưỡng, phổ biến, ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội; dịch vụ thông tin thị trường lao động, dịch vụ việc làm, hỗ trợ phát triển quan hệ lao động, đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (trừ các Trung tâm dịch vụ việc làm thuộc Sở Lao động - Thương binh và

Xã hội thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội); quản lý, bảo trì hệ thống đường bộ; quản lý, bảo trì bến tàu, bến xe; đào tạo và sát hạch lái xe (không hoạt động theo mô hình trường học); kinh doanh mặt bằng hội chợ triển lãm, xúc tiến thương mại, đầu tư; dịch vụ hỗ trợ, cung cấp thông tin thị trường, quảng bá du lịch; kinh doanh nhà khách, nhà nghỉ; dịch vụ lưu trú ngắn ngày và phục vụ hội họp; phát triển hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp và dịch vụ hỗ trợ trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp (không bao gồm lĩnh vực phát triển quỹ đất).

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Đại học Quốc gia Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm rà soát các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý (bao gồm các đơn vị sự nghiệp công lập

đã được phê duyệt tại Danh mục đơn vị sự nghiệp công lập chuyển thành công ty cổ phần giai đoạn trước năm 2021 nhưng chưa có quyết định công bố giá trị đơn vị) đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 4 Nghị định số 150/2020/NĐ-CP và thuộc ngành, lĩnh vực quy định tại Quyết định này, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Danh mục đơn vị sự nghiệp công lập chuyển thành công ty cổ phần giai đoạn 2021-2025 trong Quý IV năm 2021; rà soát, báo cáo Thủ tướng Chính phủ phê duyệt lộ trình, tỷ lệ vốn nhà nước cần thực hiện thoái vốn tại doanh nghiệp sau chuyển đổi (đã hoàn thành quyết toán, bàn giao giữa đơn vị sự nghiệp công lập và công ty cổ phần), đảm bảo tỷ lệ cổ phần do Nhà nước nắm giữ phù hợp với quy định tại Điều 2 Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 12/8/2021.

VĂN BẢN CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

4. XE CƠ GIỚI VÀO KIỂM ĐỊNH PHẢI ĐƯỢC CHỤP ẢNH TẠI ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM

Ngày 12/08/2021, Bộ Giao thông Vận tải ban hành Thông tư 16/2021/TT-BGTVT quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (không áp dụng đối với xe cơ giới của quân đội, công an sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh).

Theo đó, kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ

giới là việc kiểm tra, đánh giá lần đầu và định kỳ tình trạng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định.

Việc kiểm định xe cơ giới phải được thực hiện trên dây chuyền kiểm định. Trường hợp xe cơ giới quá khổ, quá tải không vào được dây chuyền kiểm định thì được kiểm tra sự làm việc và hiệu quả phanh trên đường thử ngoài dây chuyền. Các xe cơ giới hoạt động tại vùng đảo không có đường bộ để di chuyển đến

đơn vị đăng kiểm; xe cơ giới hoạt động tại các khu vực bảo đảm về an toàn, an ninh, quốc phòng không đủ điều kiện đưa xe tới đơn vị đăng kiểm; xe cơ giới đang thực hiện nhiệm vụ cấp bách (phòng chống thiên tai, dịch bệnh)... thì được kiểm định ngoài đơn vị đăng kiểm theo quy định.

Các khiếm khuyết, hư hỏng của xe cơ giới trong kiểm định được phân thành 3 mức: mức không quan trọng là hư hỏng không gây mất an toàn kỹ thuật, ô nhiễm môi trường khi tham gia giao thông, xe cơ giới vẫn được cấp Giấy chứng nhận kiểm định; mức quan trọng là hư hỏng có thể gây mất an toàn kỹ thuật, ô nhiễm môi trường khi tham gia giao thông, xe cơ giới không được cấp Giấy chứng nhận kiểm định và phải sửa chữa các hư hỏng để kiểm định lại; mức gây nguy hiểm trực tiếp và tức thời khi xe cơ giới tham gia giao thông, xe cơ giới sẽ không được cấp Giấy chứng nhận kiểm định, không được tham gia giao thông và phải sửa chữa các hư hỏng để kiểm định lại. Trường hợp xe cơ giới đồng thời có những hư hỏng ở các mức khác nhau sẽ bị đánh giá ở mức hư hỏng cao nhất trong các hư hỏng.

Xe cơ giới vào kiểm định phải được chụp ảnh tổng thể xe và ảnh biển số đăng ký của xe để in trên Phiếu kiểm định và phải thể hiện thời gian chụp đầy đủ về ngày, tháng, năm, giờ và phút chụp ảnh.

Đăng kiểm viên phải tự lái xe khi kiểm tra xe, trường hợp đối với tổ hợp xe (đầu kéo và sơ mi rơ moóc; xe thân liền và rơ moóc), ô tô chở người trên 30 chỗ nếu không lái

được xe thì đăng kiểm viên có thể đề nghị chủ xe thực hiện lái xe.

Thông tư có hiệu lực từ ngày 01/10/2021.

5. PHÍ SỬ DỤNG ĐƯỜNG BỘ ĐỐI VỚI XE CHỖ NGƯỜI DƯỚI 10 CHỖ LÀ 130.000 ĐỒNG/THÁNG

Ngày 12/08/2021, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 70/2021/TT-BTC về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ.

Theo đó, đối tượng chịu phí sử dụng đường bộ là các phương tiện giao thông cơ giới đường bộ đã đăng ký, kiểm định để lưu hành, bao gồm: Xe ô tô, xe đầu kéo và các loại xe tương tự. Miễn phí sử dụng đường bộ đối người nộp phí cho xe cứu thương, xe chữa cháy, xe chuyên dùng phục vụ tang lễ, xe chuyên dùng phục vụ quốc phòng, xe chuyên dùng của các đơn vị thuộc hệ thống tổ chức của công an nhân dân,

Phí sử dụng đường bộ tính theo năm, tháng hoặc theo chu kỳ đăng kiểm của xe. Mức thu phí sử dụng đường bộ của 1 tháng với một số phương tiện như sau: 130.000 đồng với xe chở người dưới 10 chỗ đăng ký tên cá nhân, hộ kinh doanh; 390.000 đồng với xe chở người từ 25 chỗ đến dưới 40 chỗ; 1.430.000 đồng với xe đầu kéo có khối lượng bản thân cộng khối lượng cho phép kéo theo từ 40.000 kg trở lên... Mức thu phí của 01 tháng năm thứ 2 bằng 92% mức phí của 01 tháng năm đầu tiên, mức thu phí của 01 tháng năm thứ 3 bằng 85% mức phí của 01 tháng năm đầu tiên.

Thời gian tính phí tính từ khi đăng kiểm xe, không bao gồm thời gian của chu kỳ đăng kiểm trước. Trường hợp chủ phương tiện chưa nộp phí của chu kỳ trước thì phải nộp bổ sung tiền phí của chu kỳ trước, số tiền phải nộp bằng mức thu 01 tháng x số tháng phải nộp của chu kỳ trước.

Xe ô tô thuộc đối tượng chịu phí sẽ không phải chịu phí sử dụng đường bộ trong các trường hợp như: bị hủy hoại do tai nạn hoặc thiên tai; bị tịch thu hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe; bị tai nạn đến mức không thể tiếp tục lưu hành phải sửa chữa từ 30 ngày trở lên; đăng ký, đăng kiểm tại Việt Nam nhưng hoạt động tại nước ngoài liên tục từ 30 ngày trở lên; bị mất trộm trong thời gian từ 30 ngày trở lên...

Thông tư có hiệu lực từ ngày 01/10/2021.

6. QUY ĐỊNH THỦ TỤC CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

Ngày 13/8/2021 Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư số 04/2021/TT-BTTTT quy định chi tiết và hướng dẫn thủ tục cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện; cho thuê, cho mượn thiết bị vô tuyến điện; sử dụng chung tần số vô tuyến điện.

Theo đó, Cục Tần số vô tuyến điện thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông cấp, gia hạn, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, thu hồi giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện đối với các trường hợp ngoài trường hợp quy định tại Thông tư này. Đối với giấy

phép sử dụng tần số vô tuyến điện được cấp lần đầu, thời hạn của giấy phép được cấp theo đề nghị của tổ chức, cá nhân nhưng không vượt quá 10 (mười) năm đối với giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện, 15 (mười lăm) năm đối với giấy phép sử dụng băng tần, 20 (hai mươi) năm đối với giấy phép sử dụng tần số và quỹ đạo vệ tinh và bảo đảm phù hợp với các quy hoạch tần số vô tuyến điện. Tổng thời hạn cấp lần đầu và các lần gia hạn giấy phép không vượt quá thời hạn tối đa quy định cho từng loại giấy phép tương ứng. Trường hợp giấy phép được cấp lần đầu bằng thời hạn tối đa quy định cho loại giấy phép tương ứng thì được xem xét gia hạn tối đa là 01 (một) năm. Tổ chức, doanh nghiệp được cấp Giấy phép sử dụng băng tần có trách nhiệm báo cáo định kỳ cho Cục Tần số vô tuyến điện Danh mục thiết bị phát sóng vô tuyến điện sử dụng trong mạng thông tin vô tuyến điện (theo mẫu quy định tại Phụ lục III của Thông tư này) trước ngày 31 tháng 12 hàng năm và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu của Cục Tần số vô tuyến điện.

Việc gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện như sau: Trước khi hết hạn ít nhất là 30 (ba mươi) ngày đối với Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện, 60 (sáu mươi) ngày đối với Giấy phép sử dụng băng tần và Giấy phép sử dụng tần số và quỹ đạo vệ tinh, tổ chức, cá nhân phải gửi hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện để được gia hạn theo đúng quy định. Giấy phép được gia hạn chỉ

kéo dài thời hạn sử dụng, các thông số khác của giấy phép không thay đổi. Trường hợp không tuân thủ thời gian quy định tại như trên, tổ chức, cá nhân muốn tiếp tục sử dụng tần số phải làm thủ tục như thủ tục cấp mới. Khi giấy phép còn hiệu lực, tổ chức, cá nhân có nhu cầu sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong giấy phép (trừ thời hạn sử dụng) thì phải làm hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để được sửa đổi, bổ sung theo đúng quy định.

Trong thời hạn còn hiệu lực của giấy phép, nếu tổ chức, cá nhân không còn nhu cầu sử dụng tần số, thiết bị vô tuyến điện và quỹ đạo vệ tinh, có thể gửi văn bản thông báo trực tiếp qua đường bưu điện hoặc thông qua dịch vụ công trực tuyến cho Cục Tần số vô tuyến điện.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/10/2021.

7. BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐỀ NGHỊ CÁC ĐỊA PHƯƠNG TẠO ĐIỀU KIỆN CHO HỌC SINH HỌC TẬP TẠI NƠI CƯ TRÚ DO DỊCH COVID-19

Nhằm bảo đảm quyền lợi học tập cho học sinh trong điều kiện phòng, chống dịch Covid-19, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành công văn số 3508/BGDĐT-GDTrH ngày 17/8/2021 về việc tiếp nhận, tạo điều kiện cho học sinh học tập tại nơi cư trú do dịch Covid-19.

Theo đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo và các trường học thực hiện việc tiếp nhận, tạo điều kiện cho học sinh học tập tại nơi cư trú do dịch Covid-19 năm học 2021-

2022, cụ thể: Tiếp nhận, tạo điều kiện cho các học sinh có nguyện vọng vào học tập tại trường học nơi học sinh cư trú trong thời gian phòng, chống dịch Covid-19, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, nhà trường. Phối hợp với các địa phương, nhà trường nơi học sinh có nguyện vọng chuyển đi và chuyển đến để tiếp nhận và bố trí, xếp lớp cho học sinh học tập theo đúng đối tượng. Quan tâm hỗ trợ học sinh được tiếp nhận về các điều kiện học tập cần thiết như sách giáo khoa, tài liệu học tập; tạo điều kiện thuận lợi nhất cho học sinh học tập theo kế hoạch giáo dục của nhà trường. Xác nhận kết quả rèn luyện và học tập của học sinh được tiếp nhận để học sinh quay trở lại trường cũ học tập sau thời gian phòng, chống dịch Covid-19.

Đối với học sinh có nguyện vọng xin chuyển trường, tạo thuận lợi cho học sinh thực hiện việc chuyển trường theo phương thức phù hợp trên cơ sở bảo đảm quy định về hồ sơ học sinh khi chuyển trường, đồng thời bảo đảm thực hiện nghiêm quy định về phòng, chống dịch Covid-19.

8. HÀ NỘI HỖ TRỢ CÁC ĐỐI TƯỢNG GẶP KHÓ KHĂN DO ĐẠI DỊCH COVID-19

Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quy định một số chính sách đặc thù của thành phố Hà Nội hỗ trợ đối tượng bị ảnh hưởng, gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 nêu rõ Hà Nội hỗ trợ là chi trả 01 lần trực tiếp cho đối tượng

thụ hưởng với các mức hỗ trợ cụ thể như sau:

Mức hỗ trợ 1.000.000 đồng/người cho các đối tượng là người có công với cách mạng đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng, thương binh hưởng trợ cấp mất sức lao động hàng tháng, thân nhân người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng; người đang hưởng trợ cấp xã hội tại cộng đồng và đối tượng bảo trợ xã hội đã được tiếp nhận vào các Trung tâm Bảo trợ xã hội trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nhưng đang sống tại gia đình, chưa quay trở lại Trung tâm do ảnh hưởng của dịch COVID-19.

Mức hỗ trợ 1.500.000 đồng/người cho các đối tượng: người lao động làm việc tại hộ kinh doanh phải tạm hoãn thực hiện hoặc chấm dứt hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương do hộ kinh doanh phải dừng hoạt động theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch COVID-19; người lao động làm việc tại các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục ở cấp giáo dục mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, giáo dục nghề nghiệp phải chấm dứt hợp đồng lao động trong thời gian từ ngày 01/5/2021 đến hết ngày 31/12/2021 do cơ sở giáo dục dừng hoạt động theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch COVID-19.

Mức hỗ trợ 3.000.000 đồng/chủ cơ sở đối với chủ nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thục đủ điều kiện hoạt động (có trụ sở chính

trên địa bàn thành phố Hà Nội) phải dừng hoạt động từ 15 ngày liên tục trở lên trong thời gian từ ngày 01/5/2021 đến hết ngày 31/12/2021 theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch COVID-19.

Ngoài ra còn thực hiện hỗ trợ thêm 1.000.000đ/người đối với người lao động đang mang thai; người lao động đang nuôi con nhỏ dưới 06 tuổi.

9. HÀ NỘI TIẾP TỤC CÁCH LY TOÀN XÃ HỘI ĐẾN 06 GIỜ NGÀY 06/9/2021

Ngày 20/8/2021, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã ban hành Công điện số 19/CD-UBND về việc tăng cường các biện pháp thực hiện nghiêm giãn cách xã hội để ngăn chặn dịch bệnh COVID-19.

Theo đó, yêu cầu người dân, các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp tiếp tục thực hiện cách ly toàn xã hội đến 06h giờ 00 ngày 06/9/2021 trên phạm vi toàn thành phố để phòng, chống dịch COVID-19. Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn thành phố chấp hành nghiêm quy định giãn cách xã hội; siết chặt việc cấp và quản lý giấy đi đường cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đảm bảo đúng đối tượng và quy định; chịu trách nhiệm trước chính quyền thành phố và pháp luật trong trường hợp vi phạm quy định, gây lây lan dịch bệnh trong cộng đồng.

Chính quyền các cấp, các ngành chủ động phương án tổ chức thực hiện để đảm bảo không đứt gãy chuỗi cung ứng hàng hóa, mất ổn

định thị trường, thực hiện tốt các biện pháp bình ổn giá, không để xảy ra tình trạng khan hàng, sốt giá, đầu cơ găm hàng, hàng giả, hàng kém chất lượng gây hoang mang trong dư luận; đảm bảo lưu thông và cung ứng lương thực, thực phẩm thiết yếu cho mọi người dân, đặc biệt các khu cách ly, phong tỏa không để ai bị thiếu ăn, thiếu mặc.

Ban Tuyên giáo Thành ủy, Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với các cơ quan báo chí Trung ương tăng cường tuyên truyền nhân rộng các mô hình, lan tỏa các hành động đẹp, nhân văn, tạo sự đồng thuận, đoàn kết, quyết tâm chiến thắng dịch bệnh. Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Công an thành phố xử lý nghiêm các đối tượng đăng tải, chia sẻ thông tin sai sự thật về công

tác chỉ đạo, điều hành và tình hình dịch bệnh. Sở Y tế chuẩn bị sẵn sàng các phương án cao để tránh bị động, bất ngờ trong mọi tình huống.

Công an thành phố tổ chức chiến dịch ra quân, bố trí lực lượng lưu động và các chốt để tăng cường kiểm tra việc chấp hành các biện pháp phòng chống dịch của người dân khi ra đường, đảm bảo việc thực hiện nghiêm trong thời gian giãn cách xã hội; phối hợp chính quyền cơ sở tổ chức kiểm tra việc cấp giấy đi đường của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đóng trên địa bàn đảm bảo đúng quy định, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm; tăng cường công tác phòng chống tội phạm, an ninh trật tự trên địa bàn.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH VỀ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Để kịp thời sửa đổi, bổ sung các quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước hiện nay, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã hoàn thành dự thảo sửa đổi, bổ sung Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Dự thảo gồm 4 Chương 75 Điều quy định các hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành

chính, thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.

Theo đó, các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường gồm: vi phạm các quy định về đăng ký môi trường, giấy phép môi trường, đánh giá tác động môi trường; gây ô nhiễm môi trường; các hành vi vi phạm quy định về quản lý chất thải; về bảo vệ môi trường của cơ sở sản xuất, kinh doanh và dịch vụ (sau đây gọi chung là cơ sở) và khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp, khu kinh doanh dịch vụ tập trung (sau đây gọi chung là khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung); vi phạm các quy định về bảo

vệ môi trường trong hoạt động nhập khẩu máy móc, thiết bị, phương tiện, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, chế phẩm sinh học; nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng; hoạt động lễ hội, du lịch và khai thác khoáng sản; vi phạm các quy định về thực hiện phòng, chống, khắc phục ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường; vi phạm hành chính về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học bao gồm: bảo tồn và phát triển bền vững hệ sinh thái tự nhiên, bảo tồn và phát triển bền vững các loài sinh vật và bảo tồn và phát triển bền vững tài nguyên di truyền; vi phạm các quy định về bảo vệ di sản thiên nhiên, chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên; giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, bảo vệ tầng ô-dôn; vi phạm các quy định về thực hiện quan trắc môi trường; thu thập, quản lý, khai thác, sử dụng dữ liệu, thông tin về môi trường; báo cáo công tác bảo vệ môi trường....

Tổ chức, cá nhân nếu có hành vi vi phạm sẽ bị áp dụng hình thức xử phạt vi phạm hành chính là phạt tiền (tối thiểu là 100.000 đồng, tối đa là 1 tỷ đồng) và còn có thể bị áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung như buộc khôi phục lại tình trạng môi trường ban đầu; đình chỉ hoạt động gây ô nhiễm môi trường của cơ sở tối đa là 12 tháng; buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng; chi trả kinh phí trưng cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường...

Mức xử phạt đối với một số hành vi cụ thể như sau: Phạt tiền từ 100.000-150.000 đồng đối với hành vi vứt, thải, bỏ đầu, mẫu và tàn thuốc lá không đúng nơi quy định tại

khu chung cư, thương mại, dịch vụ hoặc nơi công cộng. Phạt tiền từ 150.000 đồng đến 250.000 đồng đối với hành vi vệ sinh cá nhân (tiểu tiện, đại tiện) không đúng nơi quy định tại khu chung cư, thương mại, dịch vụ hoặc nơi công cộng. Phạt tiền từ 3 – 5 triệu đồng đối với hành vi vứt, thải, bỏ rác thải sinh hoạt, đổ nước thải không đúng nơi quy định tại khu chung cư, thương mại, dịch vụ hoặc nơi công cộng...

Đặc biệt, phạt tiền từ 950 triệu đồng đến 1 tỷ đồng và đình chỉ hoạt động của cơ sở có hành vi vi phạm từ 06 tháng đến 12 tháng cũng như các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi thải bụi, khói thải có chứa chất phóng xạ gây nhiễm xạ môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật cho phép. Phạt tiền từ 500 triệu đồng đến 1 tỷ đồng đối hành vi nhập khẩu, sản xuất và sử dụng chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy thuộc Phụ lục A của Công ước Stockholm có hàm lượng vượt giới hạn tối đa cho phép theo quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, đối với các hành vi vi phạm các quy định về tiếng ồn bị phạt tối đa 160 triệu đồng nếu vượt quy chuẩn kỹ thuật trên 40 dBA.

Hiện dự thảo đã được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Bộ Tài nguyên và Môi trường cùng với đăng tải trên trang thông tin điện tử của Chính phủ để lấy ý kiến góp ý hoàn chỉnh dự thảo trước khi trình Chính phủ thông qua vào quý IV/2021.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Hỏi: Sau khi tiêm vắc xin phòng COVID-19, khi có những dấu hiệu nào phải gọi ngay cho cơ sở y tế?

Trả lời: Theo Quyết định số 3588/QĐ-BYT ngày 26/7/2021 của Bộ Y tế, người được tiêm chủng tự theo dõi sau tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19 trong 28 ngày, đặc biệt trong 7 ngày đầu. Khi thấy 1 trong 8 dấu hiệu sau phải gọi ngay cho cơ sở y tế:

- Ở miệng thấy có cảm giác tê quanh môi hoặc lưỡi;

- Ở da thấy có phát ban hoặc nổi mẩn đỏ hoặc tím tái hoặc đỏ da hoặc chảy máu, xuất huyết dưới da;

- Ở họng có cảm giác ngứa, căng cứng, nghẹn họng, nói khó;

- Về thần kinh có triệu chứng đau đầu kéo dài hoặc dữ dội, li bì; ngủ gà, lú lẫn, hôn mê, co giật;

- Về tim mạch có dấu hiệu đau tức ngực, hồi hộp đánh trống ngực kéo dài, ngất;

- Đường tiêu hóa dấu hiệu nôn, đau quặn bụng hoặc tiêu chảy;

- Đường hô hấp có dấu hiệu khó thở, thở rít, khò khè, tím tái;

- Toàn thân: chóng mặt, choán, xây xẩm, cảm giác muốn ngã, mệt bất thường; đau dữ dội bất thường tại một hay nhiều nơi không do va chạm, sang chấn; sốt cao liên tục trên 39 độ C mà không đáp ứng thuốc hạ sốt.

2. Hỏi: Xin hỏi các bước thực hiện tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19?

Trả lời: Theo Quyết định số 3588/QĐ-BYT ngày 26/7/2021 của Bộ Y tế, các bước thực hiện tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19 gồm:

Bước 1: Tiếp nhận và phân loại đối tượng đến tiêm chủng tại nơi tiếp đón:

- Thực hiện đo thân nhiệt cho đối tượng tiêm chủng.

- Hướng dẫn, kiểm tra đối tượng tiêm chủng và người nhà đi cùng thực hiện khai báo y tế điện tử hoặc khai báo y tế bản giấy. Đối với đối tượng chưa thực hiện đăng ký trước khi đến tiêm chủng, cơ sở tiêm chủng hướng dẫn người dân đăng ký trên hệ thống và theo dõi hướng dẫn từ hệ thống.

Bước 2: Hoàn thành phiếu đồng ý tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19:

Đối với người chưa có phiếu đồng ý tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19 trên nền tảng quản lý tiêm chủng COVID-19, nhân viên y tế cung cấp phiếu đồng ý tiêm chủng vắc xin COVID-19 theo mẫu tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Hướng dẫn này. Người được tiêm chủng điền thông tin và ký vào phiếu đồng ý tiêm chủng trước khi sàng lọc.

Bước 3: Khám sàng lọc trước tiêm chủng vắc xin phòng COVID-

19 theo Quyết định số 3445/QĐ-BYT ngày 15/7/2021 của Bộ Y tế.

- Điền đầy đủ thông tin kết quả khám sàng lọc trên nền tảng quản lý tiêm chủng COVID-19. Nếu cơ sở tiêm chủng không điền được thông tin này trên hệ thống thì in phiếu khám sàng lọc.

- Nhân viên y tế thực hiện khám sàng lọc và điền thông tin vào phiếu khám sàng lọc.

Nếu đủ điều kiện tiêm chủng thì hướng dẫn đối tượng đến khu vực tiêm và tư vấn cho đối tượng tiêm chủng, người giám hộ về tác dụng, lợi ích của việc sử dụng vắc xin và giải thích những sự cố bất lợi có thể gặp sau tiêm chủng. Thông báo cho đối tượng tiêm chủng, người giám hộ về tác dụng, liều lượng, đường dùng của loại vắc xin được tiêm chủng. Tư vấn các thông tin về theo dõi sau tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19 các nội dung theo Phụ lục 3. Nếu đối tượng không đủ điều kiện tiêm thì tư vấn để chuyển cơ sở tiêm chủng hoặc ra về.

Bước 4: Thực hiện tiêm vắc xin phòng COVID-19 cho đối tượng theo đúng chỉ định, bảo đảm an toàn theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 34/2018/TT-BYT ngày 12/11/2018 của Bộ Y tế.

3. Hỏi: Tiêu chí phân loại nguy cơ của người nhiễm SARS-CoV-2?

Trả lời: Theo Quyết định số 3646/QĐ-BYT ngày 31/7/2021 của Bộ Y tế quy định 04 tiêu chí phân loại nguy cơ của người nhiễm SARS-CoV-2 gồm: nguy cơ thấp;

nguy cơ trung bình; nguy cơ cao và nguy cơ rất cao.

- Nhóm nguy cơ thấp: người dưới 45 tuổi và không mắc bệnh lý nền; người đã tiêm đủ 02 liều vắc xin trước khi xét nghiệm dương tính ít nhất 12 ngày; sức khỏe của người chưa có dấu hiệu bất thường, SpO2 từ 97% trở lên. Nhóm này sẽ được chuyển đến nơi cách ly F0 tập trung hoặc điều trị tại nhà nếu đủ điều kiện.

- Nhóm nguy cơ trung bình: người từ 46-64 tuổi, không mắc bất kỳ bệnh lý nền; người có dấu hiệu bất thường như sốt (từ 37,5 độ C trở lên), ho, đau họng, rát họng, đau ngực... người có SpO2 từ 95% - 96%; người dưới 45 tuổi và mắc một trong các bệnh lý nền. Nhóm này được chuyển đến bệnh viện dã chiến...

- Nhóm nguy cơ cao: người từ 65 tuổi trở lên và không mắc bệnh lý nền; phụ nữ có thai hoặc trẻ em dưới 05 tuổi, người có SpO2 từ 93% - 94%. Nhóm này nhập viện càng sớm càng tốt.

- Nhóm nguy cơ rất cao: người từ 65 tuổi trở lên và mắc một trong các bệnh lý nền; người đang trong tình trạng cấp cứu; người có SpO2 từ 92% trở xuống; người bệnh đang thở máy, có ống mở khí quản, liệt tứ chi, điều trị hóa xạ trị. Nhóm này sẽ được cấp cứu trước, trong và sau khi vận chuyển đến bệnh viện.

4. Hỏi: Các dấu hiệu, biểu hiện của người nhiễm SARS-CoV-2?

Trả lời: Theo Quyết định số 3646/QĐ-BYT ngày 31/7/2021 của Bộ Y tế quy định tại Phụ lục 2 các

dấu hiệu, biểu hiện nhiễm SARS-CoV-2 gồm: ho; sốt (trên 37,5 độ C); đau đầu; đau họng, rát họng; sổ mũi, chảy mũi, ngạt mũi; khó thở; đau ngực, tức ngực; đau mỏi người, đau cơ; mất vị giác; mất khứu giác; đau bụng, buồn nôn; tiêu chảy./.